

Bản án số: 239/2024/KDTM-PT  
Ngày: 10/9/2024.  
V/v: tranh chấp hợp đồng bảo  
hiểm.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Ngọc Thành.

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Đức Lập và bà Ngô Tuyết Băng.

Thư ký phiên tòa: ông Lê Hồng Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân TP Hà Nội.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP Hà Nội: bà Nguyễn Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 10/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 153/2024/KDTM-PT ngày 04/7/2024 về tranh chấp hợp đồng bảo hiểm. Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 129/2023/KDTM-ST ngày 30/11/2023 và 04/12/2023 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa bị kháng cáo, kháng nghị, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 522/2024/QĐXXPT-KDTM ngày 13/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 556/2024/QĐPT-KDTM ngày 26/8/2024, giữa:

Nguyên đơn: **Công ty TNHH MTV C**

Trụ sở: **thôn T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi**. Người đại diện theo pháp luật: ông **Nguyễn Anh M** - Tổng giám đốc. Người đại diện theo uỷ quyền: ông **Ngô Quốc B**, bà **Lê Thị Phương M1** (địa chỉ **tầng C, tòa nhà A phố L, quận Đ, TP Hà Nội**). Ông **B** và bà **M1** có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: **Tổng công ty cổ phần B2 (MIC)**

Trụ sở: **tầng 5- 6, tòa nhà B, phố C, phường C, quận Đ, TP Hà Nội**. Người đại diện theo pháp luật: ông **Uông Đông H** - Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo uỷ quyền: bà **Nguyễn Thị Hương L**, ông **Trần Bình D**. Bà **L**, ông **D** có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Công ty B3**

Trụ sở: **số B phố P, phường T, TP Q, tỉnh Quảng Ngãi**. Người đại diện theo

pháp luật: ông Thạch Cảnh H1 - Giám đốc. Ông H1 không có mặt tại phiên tòa.

## 2. Công ty TNHH MTC điều hành thăm dò, khai thác dầu khí Nước (PVEP POC)

Trụ sở: tầng 15, Trung tâm thương mại T2, số A T, phường T, quận G, TP Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Đức T - Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV C. Người được ủy quyền lại: ông Lê Ngọc H2. Ông H2 có mặt tại phiên tòa.

### NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Công ty TNHH một thành viên C trình bày:

Ngày 19/06/2020, Công ty TNHH MTV C (sau đây gọi tắt là nguyên đơn) và Tổng công ty cổ phần B2 - Công ty B3 là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty cổ phần B2 (sau đây gọi tắt là bị đơn) ký Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm người sửa chữa tàu số 1024/20/HD-TT/039-KDBH02 (dưới đây gọi tắt là Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm).

Theo nội dung của Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm thì nguyên đơn là bên mua bảo hiểm, bị đơn là bên bảo hiểm. Người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm duy nhất và không hủy ngang là nguyên đơn.

- Đối tượng bảo hiểm là giàn khoan Đại Hùng 01 FPU thuộc quản lý, khai thác của Công ty TNHH MTV C Trong Nước (sau đây gọi tắt là POC). Do nguyên đơn là bên sửa chữa giàn khoan Đại Hùng 01 cho POC theo Hợp đồng sửa chữa số PVEP POC-OPE-2019-593 ký ngày 25/5/2020 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng sửa chữa);

- Giá trị bảo hiểm trách nhiệm nhà thầu sửa chữa tàu là 86.856.108.330 đồng;

- Phí bảo hiểm là 477.708.596 đồng;

- Điều kiện bảo hiểm: Quy tắc bảo hiểm trách nhiệm người sửa chữa tàu theo “Shiprepairer’s liability clauses LSW 169A 1/90” ban hành kèm theo Quyết định số 2978/2016/QĐ- MIC của bị đơn ngày 19/12/2016.

Ngày 01/07/2020, nguyên đơn đã thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho bị đơn toàn bộ phí bảo hiểm là 477.708.596 đồng và đã được bị đơn cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu thuyền số 18/20/HD-TT.1/039-PKDBH02 với thời hạn bảo hiểm là 105 ngày, kể từ 00 giờ 00 phút ngày 22/6/2020 đến 24 giờ 00 phút ngày 04/10/2020 theo giờ Việt Nam.

Về sự kiện bảo hiểm:

Khoảng 07 giờ 50 phút ngày 14/07/2020, khi giàn khoan Đại Hùng 01 đang neo đậu an toàn trong đà (D) tại nhà máy của nguyên đơn để sửa chữa thì bị cháy ở Boong tầng 5 (D), cột số 4S (Columm D).

Ngay khi phát hiện cháy, nhân viên an toàn của nguyên đơn trực tại giàn đã phối hợp với sĩ quan của POC tiến hành báo động toàn bộ giàn khoan để di tản hết người lao động rời khỏi giàn một cách an toàn, đồng thời triển khai ngay phương án ứng phó sự cố khẩn cấp bảo vệ giàn, tài sản, hạn chế tổn thất đến mức thấp nhất, huy động toàn bộ lực lượng đội phòng cháy chữa cháy của nguyên đơn và đội phòng cháy chữa cháy của chủ giàn khoan để ứng cứu, chữa cháy. Vì vậy, đến 08 giờ 38 phút, đám cháy cơ bản được khống chế và đến 09 giờ 30 phút cùng ngày (14/07/2020) đám cháy được khống chế hoàn toàn.

Theo Văn bản số 604/CV-NV/2021 ngày 10/05/2021 của Công ty TNHH G (sau đây gọi tắt là Công ty G) thì nguyên nhân cháy là: “Cháy giàn khoan Đại Hùng 01 FPU là trong lúc thao tác cắt hàn kim loại tại vị trí sàn boong phía trên trụ số 4 bên phải đã làm hình thành nên các hạt kim loại nóng chảy mang nhiệt độ cao liên tục bắn ra xung quanh và lọt vào đường ống nối thông từ sàn boong xuống kho vật tư ở tầng 5 gây cháy các vật liệu dễ cháy (giấy thấm dầu, sợi nilon của phao chống tràn dầu, ...) gây nên vụ cháy”.

*Tài sản bị thiệt hại (tổn thất) do sự cố cháy:*

Qua các lần giám định tại hiện trường, Công ty G và các bên đã ghi nhận sự cố cháy không gây thiệt hại về người, nhưng làm hư hỏng một số vật tư, trang thiết bị của giàn khoan. Theo Văn bản số 604/CV-NV/2021 ngày 10/05/2021, Công ty G chia các tài sản bị tổn thất của giàn khoan theo công năng thành hai loại:

1. Trang thiết bị là bộ phận cấu thành của giàn khoan bị thiệt hại bao gồm: hệ thống cáp điện, thân vỏ tầng 5 trụ số 4 bên phải (kích thước: mm), đèn chiếu sáng treo trần, bóng đèn hiệu Philip, TLD 36W/54-765 cool daylight, made in India; Báo cháy; Tủ điện MCC1 (cấp cho hệ thống bơm nước dẫn);

2. Tài sản không là bộ phận cấu thành của giàn khoan là: vật tư, phụ tùng để ở trong kho của D - Columm 4S.

Để đảm bảo giàn khoan nhanh chóng quay về mở khai thác, nguyên đơn và POC đã phối hợp thực hiện các công việc khắc phục sự cố thông qua việc ký hợp đồng với các nhà thầu, nhà cung ứng để sửa chữa, thay thế các hư hỏng, tổn thất. Tổng chi phí các bên khắc phục tổn thất (tổng giá trị thiệt hại) là 6.271.209.613 đồng.

Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ liên quan đến chi phí các bên phải khắc phục do sự cố cháy cho bị đơn. Nhưng bị đơn căn cứ vào kết luận tại Văn

bản số 604/CV-NV/2021 ngày 10/05/2021 của Công ty G là “Tôn thất đối với giàn khoan Đại Hùng 01 FPU thuộc trách nhiệm của bảo hiểm loại trừ tài sản là vật tư phụ tùng trong kho giàn khoan” để từ chối bồi thường thiệt hại là tài sản vật tư trong kho của giàn khoan. Có nghĩa bị đơn chỉ đồng ý bồi thường với các tài sản, trang thiết bị là bộ phận cấu thành của giàn khoan. Riêng đối với tài sản không là bộ phận cấu thành của giàn khoan là vật tư, phụ tùng bị cháy để ở trong kho với số tiền thiệt hại giá trị là 3.496.727.517 đồng thì bị đơn không đồng ý bồi thường. Theo quy định của pháp luật, Hợp đồng bảo hiểm, Quy tắc bảo hiểm, sự kiện bảo hiểm và các thiệt hại thực tế, việc bị đơn căn cứ vào nhận định của Công ty G để từ chối bồi thường tổn thất là các vật tư dự phòng trong kho của giàn khoan là không có cơ sở và đã vi phạm nghĩa vụ Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm.

Theo Điều 3 Hợp đồng bảo hiểm quy định các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận áp dụng Quy tắc bảo hiểm trách nhiệm người sửa chữa tàu theo “Shiprepairer’s liability clauses LSW 169A 1/90” ban hành kèm theo Quyết định số 2978/2016/QĐ-MIC của bị đơn ngày 19/12/2016.

- Căn cứ vào khoản iii điều 6 Quy tắc bảo hiểm trách nhiệm người sửa chữa tàu thì mọi tổn thất hoặc thiệt hại đối với hàng hóa hoặc các vật thể khác có ở trên tàu (giàn khoan) đều thuộc phạm vi, trách nhiệm bảo hiểm.

Nhưng Văn bản số 831/CV- NV/2021 ngày 09/06/2021 của Công ty G lại nhận định “vật tư trong kho không là bộ phận cấu thành giàn khoan nhưng được xác định thuộc sở hữu của chủ giàn khoan ĐẠI HÙNG 01 FPU, do đó không là hàng hóa hoặc vật thể khác trên tàu nên không thuộc mục (iii)”.

Theo khoản 1 điều 4 Luật giá số 11/2012/QH13 giải thích “hàng hóa là tài sản có thể trao đổi, mua, bán trên thị trường, có khả năng thỏa mãn nhu cầu của con người, bao gồm các loại động sản và bất động sản”.

Theo khoản 2 điều 3 Luật thương mại quy định:

“Hàng hóa bao gồm:

- a) Tất cả các loại động sản, kể cả động sản hình thành trong tương lai;
- b) Những vật gắn liền với đất đai”.

Vật tư trong kho đương nhiên là hàng hóa. Tổn thất hoặc thiệt hại phát sinh cho hàng hóa hoặc các vật thể khác trên các tàu là vật tư trong kho của Giàn khoan thuộc phạm vi bảo hiểm theo khoản iii Điều 6 Quy tắc bảo hiểm.

- Căn cứ khoản (vi) điều 6 Quy tắc quy định: “Tổn thất hoặc thiệt hại phát sinh cho tài sản của bên thứ ba xảy ra trong quá trình hoặc phát sinh từ hoạt động sửa chữa tàu của Người được bảo hiểm”. Do đó, tài sản là vật tư trong kho giàn khoan

thuộc sở hữu của POC là bên thứ ba bị thiệt hại phát sinh từ hoạt động sửa chữa tàu của nguyên đơn (người được bảo hiểm) nên thuộc phạm vi bảo hiểm.

- Việc Công ty G phân chia thành tài sản tổn thất theo công năng để xác định tài sản tổn thất có thuộc phạm vi bảo hiểm hay không là không đúng. Vì toàn bộ tài sản này đều đang ở trong Giàn khoan Đại Hùng là đối tượng đương nhiên được bảo hiểm đã được quy định tại Hợp đồng bảo hiểm và Giấy chứng nhận bảo hiểm. Mặt khác, các tài sản vật tư trong kho không phải là để ở ngoài giàn khoan Đại Hùng như là tàu thuyền, sà lan khác hay nhà xưởng, kho bãi, cầu trục...

Như vậy, tổn thất là vật tư, phụ tùng trong kho và tổn thất khác thuộc phạm vi được bảo hiểm.

Vật tư trong kho của giàn khoan là đối tượng được bảo hiểm, không phải là các trường hợp loại trừ theo khoản 10.1.3 điều 10 Hợp đồng bảo hiểm; điều 9 Quy tắc bảo hiểm; điều 4, điểm a khoản 2 điều 6 Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ nên bị đơn phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại do sự cố cháy cho nguyên đơn bao gồm cả thiệt hại là vật tư, phụ tùng ở trong kho của giàn khoan.

*Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tổn thất là 6.271.209.613 đồng và tiền lãi theo lãi suất của Ngân hàng được tính từ ngày 10/05/2021 cho đến ngày vụ việc được xét xử.

*Bị đơn do người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Bị đơn thừa nhận hợp đồng bảo hiểm đã ký kết và sự kiện phát sinh trách nhiệm bảo hiểm như nguyên đơn trình bày là đúng. Tuy nhiên, bị đơn không đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền bảo hiểm theo yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn chỉ đồng ý bồi thường bảo hiểm số tiền là 1.950.908.689 đồng là những thiệt hại đối với những tài sản gắn liền với cấu trúc của giàn khoan, còn đối với những tài sản khác như vật tư, thiết bị để trong giàn khoan bị thiệt hại thì bị đơn không đồng ý bồi thường vì đây không phải là hàng hóa nên không thuộc trường hợp được bảo hiểm.

Về căn cứ từ chối bồi thường đối với hạng mục vật tư, phụ tùng, bị đơn xin trình bày như sau:

Vật tư, phụ tùng để trong kho không thuộc hạng mục sửa chữa Hợp đồng sửa chữa. Tham chiếu Hợp đồng sửa chữa giàn khoan Đại Hùng cho thấy hạng mục sửa chữa bao gồm các hạng mục, công việc được quy định chi tiết theo phụ lục đính kèm Hợp đồng sửa chữa còn các tài sản khác (vật tư, phụ tùng) không thuộc hạng mục

sửa chữa theo thỏa thuận trong hợp đồng trên.

Như vậy, trách nhiệm của nhà thầu sửa chữa được xác định là các hạng mục, công việc sửa chữa giàn khoan Đại Hùng thuộc Hợp đồng sửa chữa, do đó trách nhiệm pháp lý của nguyên đơn được bị đơn bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm chính là trách nhiệm của nguyên đơn đối với các hạng mục/giá trị sửa chữa giàn khoan Đại Hùng của POC theo Hợp đồng sửa chữa.

Số tiền bảo hiểm của bị đơn theo Hợp đồng bảo hiểm bằng với giá trị tài sản sửa chữa giàn khoan Đại Hùng.

Theo Quyết định số 22A/QĐ-DQS ngày 17/06/2020 của nguyên đơn về việc phê duyệt dự toán dự án sửa chữa giàn khoan Đại H3 đã phê duyệt số tiền dự toán sửa chữa giàn khoan Đại Hùng với giá trị hợp đồng đã ký kết (chưa bao gồm thuế VAT) là 86.856.108.330 đồng.

Hợp đồng bảo hiểm quy định tại điều 2 thì đối tượng và phạm vi bảo hiểm là bị đơn bảo hiểm cho tài sản là giàn khoan Đại Hùng giá trị sửa chữa thân tàu và trách nhiệm nhà thầu sửa chữa là 86.856.108.330 đồng, như vậy giá trị bảo hiểm trách nhiệm nhà thầu sửa chữa bằng giá trị các hạng mục, công việc sửa chữa giàn khoan Đại Hùng theo Hợp đồng sửa chữa do đó trách nhiệm pháp lý của người được bảo hiểm là trách nhiệm của các hạng mục sửa chữa giàn khoan theo Hợp đồng sửa chữa.

Mức trách nhiệm bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm là bằng giá trị các hạng mục, công việc sửa chữa giàn khoan Đại Hùng theo Hợp đồng sửa chữa mà không bao gồm các tài sản là vật tư, phụ tùng trong kho. Do vậy, Hợp đồng bảo hiểm không bảo hiểm trách nhiệm của người được bảo hiểm đối với các vật tư phụ tùng trong kho thuộc sở hữu của chủ giàn khoan.

Ngay sau khi tổn thất, căn cứ Kết luận giám định của Công ty G, bị đơn xác định chỉ xem xét bồi thường các hạng mục sửa chữa của giàn khoan còn các vật tư phụ tùng trong kho không nằm trong các hạng mục sửa chữa do đó không là đối tượng được bảo hiểm, bị đơn không có căn cứ để xem xét bồi thường cho các tổn thất đối với các tài sản này.

*Vật tư, phụ tùng trong kho thuộc điểm loại trừ theo Quy tắc bảo hiểm*

Áp dụng theo “Quy tắc bảo hiểm trách nhiệm người sửa chữa tàu” ban hành kèm theo Quyết định số 2978 của bị đơn và các điều khoản bổ sung, tại điều 6 về phạm vi bảo hiểm như sau:

*iii. Tổn thất hoặc thiệt hại phát sinh cho hàng hóa hoặc các vật thể khác trên các tàu hoặc được bốc dỡ từ các tàu ....*

Hợp đồng bảo hiểm được các bên dựa trên căn cứ pháp luật là Bộ luật dân sự, Luật hàng hải và Luật kinh doanh bảo hiểm. Theo đó, điều khoản bảo hiểm này áp dụng theo khoản 2 điều 70 Bộ luật hàng hải năm 2005 (nay là khoản 2 điều 145 Bộ luật hàng hải năm 2015) quy định về hàng hóa trong lĩnh vực hàng hải như sau: “2. Hàng hóa là máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu, nhiên liệu, hàng tiêu dùng và các động sản khác, kể cả động vật sống, container hoặc công cụ tương tự do người giao hàng cung cấp để đóng hàng được vận chuyển theo hợp đồng vận chuyển hàng hóa bằng đường biển.”.

Vật thể khác là các vật thể như máy móc, thiết bị, hàng hóa ... thuộc quyền sở hữu của các chủ thể khác như chủ tàu biển khác, người vận chuyển, người thuê vận chuyển ... đang được vận chuyển hoặc đặt trên tàu mà không phải của chủ sở hữu tàu và nhà thầu đang sửa chữa tàu.

Về nội dung trong Đơn khởi kiện nguyên đơn viện dẫn khoản 1 điều 4 Luật giá và khoản 2 điều 3 Luật thương mại xác định vật tư trong kho đương nhiên là hàng hóa và phải thuộc phạm vi bảo hiểm theo khoản iii điều 6 Quy tắc bảo hiểm nêu trên.

Bị đơn cho rằng đây là nhận định chưa đúng, nguyên đơn đang có sự nhầm lẫn trong việc áp dụng pháp luật, theo Hợp đồng bảo hiểm các bên thống nhất luật áp dụng là Bộ luật dân sự, Bộ luật hàng hải và Luật kinh doanh bảo hiểm nên các bên sẽ phải áp dụng các thỏa thuận này để xác định khái niệm hàng hóa trong hoạt động hàng hải.

Theo đó, để xác định các vật tư, phụ tùng ở trong kho giàn khoan là hàng hóa thì các vật tư đó phải có Hợp đồng vận chuyển hàng hóa theo quy định của Bộ luật hàng hải đã viện dẫn nêu trên. Không thể căn cứ vào Luật thương mại và Luật giá để xác định vật tư trong kho là hàng hóa.

Hơn nữa, giàn khoan Đại Hùng chính là tên gọi của một loại tàu biển nên không thể áp dụng Luật giá, cũng không phải là Hợp đồng mua bán hàng hóa mà áp dụng Luật thương mại.

Nguyên đơn căn cứ vào khoản iii điều 6 Quy tắc bảo hiểm để yêu cầu bồi thường là không chính xác.

*vi. Tôn thất hoặc thiệt hại phát sinh cho tài sản của bên thứ ba xảy ra trong quá trình hoặc phát sinh từ hoạt động sửa chữa tàu của người được bảo hiểm trong trường hợp trách nhiệm của người được bảo hiểm phát sinh từ hành vi bất cẩn của người được bảo hiểm, nhân viên, đại lý hoặc nhà thầu phụ của Người được bảo hiểm trong thời hạn bảo hiểm.”*

Báo cáo giám định cuối cùng của Công ty G xác định nguyên nhân tôn thất là

do lỗi bất cẩn của công nhân trong lúc thao tác hàn cắt kim loại tại vị trí sàn boong làm hình thành nên các hạt kim loại nóng chảy mang nhiệt độ cao liên tục bắn ra xung quanh gây ra vụ cháy. Vì vậy, tổn thất vật tư trong kho giàn khoan này thuộc khoản vi điều 6 nêu trên.

Khi xem xét, phân loại tài sản của bên thứ ba bị tổn thất xảy ra trong quá trình sửa chữa tàu, đơn vị giám định độc lập Công ty G xác định theo Quy tắc bảo hiểm thì tài sản là vật tư, phụ tùng để trong kho hàng do người được bảo hiểm bảo quản, giám sát, quản lý nên thuộc điểm loại trừ theo khoản i điều 9 như sau:

i. Liên quan đến tài sản:

b) Do người được bảo hiểm bảo quản, giám sát và quản lý (ngoài các tài sản quy định tại điều khoản 6 (i), 6 (iii) hoặc 6 (iv) ở trên”.

Khoản 14.14 điều 14 quy định nghĩa vụ của nhà thầu của Hợp đồng sửa chữa quy định “nhà thầu chịu trách nhiệm cung cấp và thực hiện đảm bảo an toàn cho toàn bộ khu vực thi công hoặc các khu vực nằm trong sự kiểm soát của nhà thầu bao gồm cả các địa điểm khác nơi mà việc thi công được thực hiện”.

Các vật tư, phụ tùng xếp trong kho tầng 5 cột số 4 bên phải của giàn khoan Đại Hùng là các tài sản thuộc sở hữu của chủ tàu POC, nằm trong khu vực đang thực hiện thi công nên thuộc sự kiểm soát, bảo quản của nhà thầu/nguyên đơn. Nguyên đơn phải có nghĩa vụ trông coi, giám sát để đảm bảo an toàn cho các tài sản đó.

Vì vậy, tài sản là vật tư, phụ tùng trong kho thuộc khoản i điều 9 các điểm loại trừ của Quy tắc bảo hiểm nên bị đơn không có căn cứ xem xét bồi thường cho vật tư, phụ tùng này.

*Hợp đồng bảo hiểm không thỏa thuận áp dụng điều khoản, điều kiện bảo hiểm theo Nghị định số 23/2018/NĐ- CP về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.*

Điều 4 Nghị định số 23/2018/NĐ- CP quy định đối tượng bảo hiểm:

1. Đối tượng bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc là toàn bộ tài sản của cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ, bao gồm:

.....

b) Các loại hàng hóa, vật tư (bao gồm cả nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm).

Bị đơn cho rằng đây là nhận định chưa đúng, nguyên đơn đang có sự nhầm lẫn trong việc áp dụng pháp luật, việc áp dụng điều kiện, điều khoản bảo hiểm phải căn cứ vào các thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm, giữa bị đơn và nguyên đơn thỏa thuận tại điều 3 điều kiện, điều khoản bảo hiểm không có thỏa thuận áp dụng



Nghị định số 23/2018/NĐ- CP về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc mà áp dụng Quy tắc bảo hiểm trách nhiệm người sửa chữa tàu ban hành kèm theo Quyết định số 2978. Các bên cần tôn trọng áp dụng Quy tắc bảo hiểm này.

Đối với các khoản bồi thường mà Công ty G đã tính toán tại Báo cáo giám định cuối bị đơn đồng ý bồi thường đối với khoản tổn thất mà Công ty giám định đã tính toán, điều chỉnh giá trị sửa chữa giàn khoan là 1.950.908.689 đồng.

Đối với giá trị những vật tư phụ tùng này nguyên đơn đưa ra giá trị là 4.320.300.513 đồng là không có căn cứ. Nguyên đơn đưa ra những hóa đơn mua các vật tư, phụ tùng này bên bị đơn không thừa nhận vì các hóa đơn mua vật tư, phụ tùng này chưa trừ đi thuế GTGT và các khoản khấu trừ khác theo hợp đồng mua bán.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa sau khi phân tích trình tự, thủ tục giải quyết vụ án và tại phiên tòa đề nghị:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với:

- Chi phí mua vật tư và sửa chữa, lắp đặt tủ điện MCC1 1.380.000.000 đồng;
- Chi phí thuê nhà thầu phụ thi công phần chống ăn mòn 47.987.500 đồng;
- Chi phí thuê nhà thầu phụ thi công lắp, tháo giàn giáo 34.375.000 đồng;
- Chi phí mua vật tư điện 1.198.236.600 đồng;
- Chi phí nhân công tham gia thi công, khắc phục sự cố 59.736.357 đồng.
- Chi phí năng lượng khắc phục sự cố cháy dây cáp điện 1.547.834 đồng.
- Giá vật tư thu hồi 42.376.900 đồng;
- Số tiền còn lại sau khi trừ thu hồi 2.679.505.791 đồng;
- Mức khấu trừ 10% là 267.950.579,1 đồng.

Số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 2.411.555.211,9 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với:

- Một phần chi phí mua vật tư và sửa chữa, lắp đặt tủ điện MCC1 36.800.920 đồng.

- Chi phí vật tư tồn kho bị tổn thất 3.496.727.517 đồng;

- Chi phí quản lý dự án thực hiện tại D 15.797.885 đồng.

*Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 129/2023/KDTM- ST ngày 30/11 và 04/12/2023 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa xử:*

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với bị đơn.

Buộc bị đơn phải thanh toán trả nguyên đơn số tiền là 5.447.636.000 đồng (làm tròn) theo Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm người sửa chữa tàu số 1024/20/HD-TT/039-KDBH02 ký ngày 19/6/2020.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng N quy định tại thời điểm thi hành tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

*Không đồng ý với Bản án sơ thẩm, bị đơn có kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa có kháng nghị đối với Bản án sơ thẩm số 129/2023/KDTM- ST ngày 30/11 và 04/12/2023 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa. Cụ thể:*

*Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-KDTM ngày 18/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa bao gồm các nội dung:*

Bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền khắc phục vật tư cháy trong khi giàn khoan Đại Hùng với số tiền 3.496.727.517 đồng trong khi không có tài liệu, chứng cứ xác định giá trị các vật tư, phụ tùng bị thiệt hại; Bản án sơ thẩm nhận định giá trị vật tư theo Kết luận giám định của cơ quan giám định là không phù hợp do tại Báo cáo giám định cuối cùng số 20/07/2016/QNH/TN ngày 02/8/2021 của Công ty G không xác định giá trị các vật tư.

Đề nghị, trường hợp nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh giá trị thiệt hại vật tư, thiết bị bị cháy thì đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về buộc bị đơn bồi thường số tiền khắc phục vật tư cháy trong kho giàn khoan Đại Hùng.

*Bị đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.*

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

*Bị đơn có kháng cáo trình bày:*

Về đối tượng bảo hiểm: giá trị giàn khoan Đại Hùng lớn hơn nhiều so với giá trị bảo hiểm trách nhiệm nhà thầu sửa chữa tàu theo Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu thuyền là 86.856.108.330 đồng

Giá trị sửa chữa không gồm vật tư trong kho theo quyết định phê duyệt vật tư. Đối tượng là trách nhiệm người sửa chữa tàu, không phải là tất cả tài sản đặt trên giàn khoan. Người sửa chữa hạng mục nào thì bên bảo hiểm bảo hiểm đối với hạng mục đó. Bị đơn không thu phí bảo hiểm hàng hóa, tài sản đặt trên tàu nên không có

trách nhiệm bảo hiểm. Trong Hợp đồng bảo hiểm không quy định hàng hóa vật tư trong kho được bảo hiểm. Hợp đồng sửa chữa chỉ có các hạng mục công việc được quy định chi tiết, còn các tài sản khác không có thỏa thuận. Vật tư để trong kho của giàn khoan, không phải là bộ phận cấu thành giàn khoan. Báo cáo giám định không liệt kê các tài sản là vật tư trong kho của giàn khoan.

Bị đơn và nguyên đơn chỉ ký Hợp đồng bảo hiểm với các hạng mục sửa chữa giàn khoan, không bảo hiểm tài sản trên giàn khoan của chủ đầu tư. Tài sản này không phải là của bên thứ ba để được bảo hiểm. Chủ đầu tư bàn giao tài sản cho nguyên đơn thì nguyên đơn phải có trách nhiệm quản lý và bảo quản. Công nhân của nguyên đơn hàn gây cháy là trách nhiệm của nguyên đơn phải bồi thường cho chủ đầu tư số hàng hóa này.

Nguyên đơn và POC không chứng minh được giá trị vật tư trong kho bị thiệt hại trong vụ án này. Tài liệu nguyên đơn xuất trình không có hóa đơn chứng minh giá trị ban đầu, giá trị khấu hao của các tài sản trước khi tổn thất. Có 75 hạng mục được liệt kê trong khi nguyên đơn yêu cầu bảo hiểm đối với 112 hạng mục là không có thực.

Hóa đơn, phiếu mua hàng do nguyên đơn xuất trình chỉ là bản photocopy, không phải là bản gốc nên không có giá trị chứng minh.

Số tiền hơn 3,4 tỷ đồng nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường là không có cơ sở và khoản tiền này chưa trừ 10% theo hợp đồng bảo hiểm.

Các vật tư thuộc điểm loại trừ bảo hiểm theo Quy tắc bảo hiểm của bị đơn. Tài sản của POC dưới sự giám sát của nguyên đơn nên theo các điểm loại trừ Quy tắc bảo hiểm thì bị đơn không có trách nhiệm bảo hiểm đối với vật tư trong kho. Đây cũng không phải hàng hóa theo quy định của Bộ luật hàng hải vì không có hóa đơn hay hợp đồng vận chuyển hàng hóa.

Theo phạm vi bảo hiểm có 06 mục thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm nên trường hợp vật tư trong kho bị thiệt hại không thuộc phạm vi bảo hiểm của bị đơn. Nguyên nhân xảy ra sự cố là do công nhân của nguyên đơn. Bị đơn nhất trí với Kết luận giám định về số tiền hơn 3,4 tỷ đồng là tiền vật tư để trong kho của giàn khoan. Vật tư là của POC, không phải của nguyên đơn nên không phải tài sản của bên thứ 3 phát sinh trách nhiệm bồi thường của bị đơn.

Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bị đơn chỉ phải bồi thường cho nguyên đơn số tiền hơn 1,9 tỷ đồng, không chấp nhận yêu cầu bồi thường số tiền vật tư để trong kho của giàn khoan có giá trị 3,4 tỷ đồng.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Các bên chỉ có tranh chấp liên quan đến số tiền 3,4 tỷ vật tư trong kho bị thiệt hại trong vụ cháy. Mặc dù theo số liệu nguyên đơn tính thì con số này còn thấp hơn nhưng nguyên đơn vẫn chấp nhận. POC còn giữ của chúng tôi hơn 10 tỷ để giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại trong vụ cháy giàn khoan, nếu vụ việc này bồi thường hơn 05 tỷ thì chỉ đủ số tiền nguyên đơn phải bồi thường theo Biên bản đối chiếu công nợ.

Các vật tư trong kho là vật tư phục vụ việc sửa chữa giàn khoan, đều nằm trong hợp đồng sửa chữa.

Theo điều khoản trách nhiệm của người sửa chữa tàu, nguyên đơn căn cứ vào khoản ii về tổn thất hoặc thiệt hại phát sinh cho bất kỳ tàu nào khác mà người được bảo hiểm đang thực hiện công việc ngoại trừ các tàu đang hoạt động trên biển trừ khi đang chạy thử và khoản iii về Tổn thất hoặc thiệt hại phát sinh cho hàng hóa hoặc các vật thể khác trên các tàu hoặc được bốc dỡ từ các tàu quy định tại điểm i hoặc ii ở trên.

Vật tư trong kho phải được xác định là vật thể khác. Điều khoản loại trừ theo Luật kinh doanh bảo hiểm quy định các điểm loại trừ phải được quy định rõ ràng trong Quy tắc bảo hiểm và phải được hiểu theo hướng có lợi cho bên không soạn thảo, bị đơn cố tình hiểu sai và giải thích sai để mục đích trốn tránh việc bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn. Trong trường hợp này cần áp dụng Luật kinh doanh bảo hiểm, không thể áp dụng Luật hàng hải theo như bị đơn trình bày do đây không phải hàng hóa.

Nguyên đơn mua bảo hiểm theo thỏa thuận trong Hợp đồng sửa chữa tàu, đây là quy định vì nguyên đơn là doanh nghiệp Nhà nước phải giảm thiểu tất cả rủi ro có thể xảy ra. Nguyên đơn mua bảo hiểm lên đến 86 tỷ đồng với mức phí rất cao là hơn 477 triệu đồng. Thiệt hại trong vụ cháy là rất nhỏ so với số tiền mua bảo hiểm.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Nguyên đơn đồng ý với việc giảm trừ 10% của số tiền 3,4 tỷ đồng mà Bản án sơ thẩm quên giảm trừ cho bị đơn.

*Người đại diện theo ủy quyền của POC trình bày:*

POC đã đặt mua vật tư thiết bị từ trước của các nhà cung cấp, có 1 số vật tư đã được lắp đặt cho giàn khoan. Số vật tư này sẽ được dùng để thay thế những vật tư trên giàn khoan bị hỏng đang được nguyên đơn sửa chữa theo Hợp đồng sửa chữa giàn khoan. Vật tư bị cháy trên kho của giàn khoan, đang trên giàn khoan vào lúc xảy ra vụ cháy để thay thế những bộ phận bị hỏng. Các nhà cung cấp vật tư cho POC đã cung cấp các hóa đơn, hợp đồng mua bán vật tư cho POC và POC đã cung cấp

cho bị đơn và Công ty giám định các hóa đơn tổng và bảng liệt kê các vật tư để trên giàn khoan. Đối chiếu với những vật tư vẫn đang còn trên tàu thì chúng tôi đối chiếu ngược lại. Hiện nay chúng tôi cũng nhất trí với số liệu của Báo cáo giám định về số tiền vật tư thiệt hại là 3,4 tỷ đồng.

Ban đầu POC kê khai số tiền này là 4,3 tỷ (đã gồm thuế), sau này POC xác định lại và chỉ khiếu nại phần giá trị trước thuế và chỉ phải xuất hóa đơn tương ứng với phần giá trị này.

Giá trị sửa chữa giàn khoan được chúng tôi dự toán là 86 tỷ. Khi quyết toán giá trị sửa chữa thật lên đến hơn 100 tỷ. Chúng tôi đã thanh toán 90 tỷ và giữ lại của nguyên đơn hơn 10 tỷ chưa thanh toán do POC đang có khiếu nại yêu cầu thanh toán giá trị vật tư bị cháy.

Hợp đồng bảo hiểm là bảo hiểm trách nhiệm của người sửa chữa tàu, không phải bảo hiểm thân tàu. Đơn vị bảo hiểm đã tư vấn mua mức bảo hiểm bằng dự toán giá trị sửa chữa.

POC đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP Hà Nội phát biểu về nội dung kháng nghị và quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:*

Sau khi nghe bị đơn trình bày nội dung kháng cáo, nghe nguyên đơn và người có quyền, nghĩa vụ liên quan trình bày ý kiến về nội dung kháng cáo của bị đơn. Đại diện Viện kiểm sát thấy tài liệu chứng cứ, các tình tiết liên quan đến vụ án đã sáng tỏ nên sẽ có ý kiến như sau:

*Về tố tụng:* bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo là hợp lệ.

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ thủ tục thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử và tiến hành phiên tòa. Thư ký đã làm đầy đủ nhiệm vụ và phổ biến nội quy phiên tòa. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

*Về nội dung kháng cáo của bị đơn:* kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của VKSND quận Đống Đa đều liên quan đến quyết định của Bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền khắc phục vật tư cháy trong khi giàn khoan Đại Hùng với số tiền 3.496.727.517 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn đã xuất trình cho Viện kiểm sát tài liệu, chứng cứ liên quan đến số vật tư để trên giàn khoan trị giá trên 3,4 tỷ đồng và các bên đương sự đều nhất trí với Kết luận giám

định về số tiền vật tư có giá trị trên 3,4 tỷ đồng nên không thuộc trường hợp phải chứng minh.

Nên kháng cáo của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền bồi thường trên 3,4 tỷ đồng là không có căn cứ của pháp luật. Đại diện VKSND TP Hà Nội tại phiên tòa có quan điểm thay đổi nội dung kháng nghị. Cần sửa lại Bản án sơ thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn về số tiền giảm trừ là 10% của số tiền trên 3,4 tỷ đồng. Nguyên đơn cũng nhất trí về vấn đề này nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi và tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

*Về thủ tục tố tụng:*

Đây là tranh chấp hợp đồng bảo hiểm giữa nguyên đơn, bị đơn đều là các doanh nghiệp nên là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 31, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 37, Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có trụ sở tại **quận Đ** nên Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo là hợp lệ.

Viện kiểm sát kháng nghị đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa:*

Ngày 25/5/2020, nguyên đơn và POC ký Hợp đồng sửa chữa. Tại khoản 9.5 điều 9 Hợp đồng sửa chữa quy định “nhà thầu sẽ cung cấp cho chủ giàn khoan giấy chứng nhận bảo hiểm bao gồm bằng chứng về việc thanh toán phí bảo hiểm quy định tại điều 9.1.a và điều 9.1.b của hợp đồng này”.

Tại điều 9.1.a và 9.1.b Hợp đồng sửa chữa quy định các khoản bảo hiểm nhà thầu sẽ thực hiện gồm:

- Bồi thường cho người lao động và/hoặc bảo hiểm trách nhiệm của người sử dụng lao động áp dụng cho tất cả nhân viên của nhà thầu tham gia vào việc hoàn thành công việc.

- Bảo hiểm toàn diện về trách nhiệm của bên thứ ba bao gồm tất cả các hoạt động dưới đây chống lại thương tật cơ thể, tử vong, mất mát hoặc thiệt hại đối với tài

sản với giới hạn tối thiểu là 1.000.000 USD cho bất kỳ sự cố nào có loại trừ phương tiện thủy được xoá.

Ngày 19/6/2020, nguyên đơn và bị đơn ký Hợp đồng bảo hiểm. Hợp đồng này được ký kết đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật và thỏa mãn điều kiện về chủ thể. Nội dung của hợp đồng thể hiện sự tự nguyện của các bên tham gia và không trái với quy định của pháp luật nên hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực thi hành.

Xác định việc ký Hợp đồng bảo hiểm trên cơ sở thỏa thuận giữa nguyên đơn và POC theo Hợp đồng sửa chữa để bảo hiểm bao gồm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba. Bị đơn cho rằng POC là chủ đầu tư không phải là người thứ ba là thiếu chính xác. Hội đồng xét xử xác định POC chính là bên thứ ba vì POC không phải là một trong các bên ký kết hoặc tham gia Hợp đồng bảo hiểm.

Sau khi ký Hợp đồng bảo hiểm, nguyên đơn đã nộp đủ phí bảo hiểm cho bị đơn đúng thời hạn. Ngày 22/6/2020, bị đơn đã cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu thuyền số 18/20/HD-TT.1/039-PKDBH02 cho nguyên đơn với giá trị bảo hiểm trách nhiệm nhà thầu sửa chữa tàu là 86.856.108.330 đồng. Thời hạn bảo hiểm từ 0 giờ 00 ngày 22/6/2020 đến 24 giờ 00 ngày 04/10/2020 theo giờ Việt Nam.

Khoảng 07 giờ 50 phút ngày 14/7/2020, giám sát an toàn của nguyên đơn và POC phát hiện có khói thoát ra từ cột số 4 bên phải trên boong chính của giàn khoan Đại Hùng.

Các đương sự đều nhất trí về nguyên nhân xảy ra sự cố là do việc thi công thiếu an toàn của nhóm thi công trực tiếp, cộng với điều kiện không an toàn là đường ống thông hơi chưa được che chắn kín hai đầu để ngăn ngừa vật, tia lửa điện văng vào; các vật tư dễ cháy để trong tầng 5 chưa được cô lập, che chắn đảm bảo an toàn và ngừa cháy nổ; thêm vào đó là yếu tố con người bao gồm nhóm thi công trực tiếp, người kiểm tra/giám sát không nhận diện hết mọi nguy hiểm ẩn từ đầu ống thông hơi trong quá trình thi công để đưa ra các biện pháp phòng ngừa hữu hiệu.

Thiệt hại xảy ra theo Báo cáo giám định cuối cùng của Công ty G gồm:

- Hệ thống dây truyền tải điện động lực và tín hiệu (bao gồm dây cáp điện và các hộp đấu nối) bị cháy với nhiều mức độ;
- T1, vách tại tầng 5,6 của giàn khoan bị cháy, ám khói;
- Tủ điện MCC1 (cung cấp điện cho hệ thống bơm nước dẫn- đang được lắp đặt) bị cháy và ứ đọng nước chữa cháy;
- Toàn bộ vật tư, phụ tùng dự phòng của giàn khoan lưu trong kho tầng 5 cột

số 4 bên phải bị cháy, ngập nước, ẩm ướt với nhiều mức độ do nước chữa cháy.

Tại điều 3 Hợp đồng bảo hiểm các bên thỏa thuận áp dụng Quy tắc bảo hiểm trách nhiệm người sửa chữa tàu ban hành kèm theo Quyết định số 2978/2016/QĐ-MIC của bị đơn ngày 19/12/2018.

Đối tượng bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm là "trách nhiệm người sửa chữa tàu đối với giàn khoan Đại Hùng".

Tại điểm i mục 6 điều khoản bảo hiểm trách nhiệm người sửa chữa tàu quy định phạm vi bảo hiểm theo đó người bảo hiểm đồng ý bồi thường cho người được bảo hiểm tất cả các khoản tiền mà người được bảo hiểm có nghĩa vụ chi trả phát sinh từ trách nhiệm pháp lý của người được bảo hiểm với tư cách là bên sửa chữa tàu đối với "tổn thất hoặc thiệt hại phát sinh cho bất kỳ tàu nào do người được bảo hiểm bảo quản, giám sát hoặc quản lý để thực hiện công việc...".

Theo Kết luận giám định nguyên nhân xảy ra sự cố có lỗi của nhóm thi công thuộc nguyên đơn (người được bảo hiểm) nên đối với những tổn thất phát sinh cho giàn khoan thì được bị đơn chi trả. Các hạng mục dây cáp, hộp đấu nối, trần vách giàn khoan và tủ điện MCC1 đều là những tổn thất thuộc về giàn khoan, đây cũng chính là các hạng mục thi công sửa chữa theo Hợp đồng sửa chữa giữa nguyên đơn và POC. Các đương sự đều xác định các chi phí sửa chữa hạng mục dây cáp, hộp đấu nối, trần vách giàn khoan và tủ điện MCC1 với tổng số tiền 1.950.908.689 đồng thuộc trách nhiệm bảo hiểm của bị đơn và bị đơn có nghĩa vụ chi trả.

Riêng đối với tổn thất vật tư, phụ tùng dự phòng của giàn khoan lưu trong kho tầng 5 cột số 4 bên phải thì các đương sự chưa thống nhất xác định tổn thất này có nằm trong phạm vi được bảo hiểm hay không.

Các đương sự đều xác nhận số vật tư, thiết bị, phụ tùng để ở kho tầng 5 cột số 4 bên phải là của POC mua từ trước và để ở kho với mục đích để nguyên đơn thay thế các vật tư, phụ tùng, thiết bị khi sửa chữa. Các đương sự không có tranh chấp về giá trị số tiền vật tư, phụ tùng dự phòng của giàn khoan lưu trong kho tầng 5 cột số 4 mà Công ty G đã kết luận là hơn 3,4 tỷ đồng. Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các hóa đơn và hồ sơ nhập khẩu cho Công ty giám định.

Bị đơn căn cứ Kết luận giám định của Công ty G và xác định chỉ xem xét bồi thường các hạng mục sửa chữa của giàn khoan còn các vật tư phụ tùng trong kho không nằm trong các hạng mục sửa chữa do đó không là đối tượng được bảo hiểm, bị đơn không có căn cứ để xem xét bồi thường cho các tổn thất đối với các tài sản này. Vì bị đơn cho rằng vật tư, phụ tùng trong kho thuộc điểm loại trừ theo Quy tắc bảo hiểm.



Áp dụng theo “Quy tắc bảo hiểm trách nhiệm người sửa chữa tàu” ban hành kèm theo Quyết định số 2978 của bị đơn và các điều khoản bổ sung, tại điều 6 về phạm vi bảo hiểm như sau:

*iii. Tôn thất hoặc thiệt hại phát sinh cho hàng hóa hoặc các vật thể khác trên các tàu ...*

Bị đơn cho rằng Hợp đồng bảo hiểm được các bên dựa trên căn cứ pháp luật là Bộ luật dân sự, Luật hàng hải và Luật kinh doanh bảo hiểm là đúng, nhưng bị đơn giải thích điều khoản bảo hiểm này áp dụng theo khoản 2 điều 70 Bộ luật hàng hải năm 2005 (nay là khoản 2 Điều 145 Bộ luật hàng hải năm 2015) quy định về hàng hóa trong lĩnh vực hàng hải là máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu, nhiên liệu, hàng tiêu dùng và các động sản khác, kể cả động vật sống, container hoặc công cụ tương tự do người giao hàng cung cấp để đóng hàng được vận chuyển theo hợp đồng vận chuyển hàng hóa bằng đường biển là thiếu chính xác. Hàng hóa trong vụ án này phải được hiệu bao gồm cả các vật tư, phụ tùng được POC mua về và giao cho nguyên đơn để sửa chữa, thay thế cho những thiết bị bị hỏng.

Ngoài ra, chính tại khoản iii điều 6 Quy tắc bảo hiểm cũng còn quy định rõ *vật thể khác* là các vật thể như máy móc, thiết bị, hàng hóa ... thuộc quyền sở hữu của các chủ thể khác là đã bao hàm là đối tượng được bảo hiểm. Vì vậy, nguyên đơn căn cứ vào khoản iii điều 6 Quy tắc bảo hiểm để yêu cầu bồi thường là chính xác. Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật và thỏa thuận của các bên tham gia bảo hiểm.

Bị đơn cho rằng tại khoản vi điều 6 Quy tắc bảo hiểm quy định tổn thất hoặc thiệt hại phát sinh cho tài sản của bên thứ ba xảy ra trong quá trình hoặc phát sinh từ hoạt động sửa chữa tàu của người được bảo hiểm trong trường hợp trách nhiệm của người được bảo hiểm phát sinh từ hành vi bất cẩn của người được bảo hiểm, nhân viên hoặc nhà thầu phụ của người được bảo hiểm thì bị đơn được loại trừ trách nhiệm bảo hiểm.

Báo cáo giám định cuối cùng của Công ty giám định xác định nguyên nhân tổn thất là do lỗi bất cẩn của công nhân trong lúc thao tác hàn cắt kim loại tại vị trí sàn boong làm hình thành nên các hạt kim loại nóng chảy mang nhiệt độ cao liên tục bắn ra xung quanh gây ra vụ cháy. Vì vậy, tổn thất vật tư trong kho giàn khoan này thuộc khoản vi điều 6 nêu trên.

Tuy nhiên, khi xem xét, phân loại tài sản của bên thứ ba bị tổn thất xảy ra trong quá trình sửa chữa tàu, đơn vị giám định xác định theo Quy tắc bảo hiểm thì tài sản là vật tư, phụ tùng để trong kho hàng do người được bảo hiểm bảo quản, giám sát, quản lý nên thuộc điểm loại trừ theo điểm b khoản i điều 9 Quy tắc bảo hiểm

đôi với vật tư, phụ tùng dự phòng của giàn khoan lưu trong kho tầng 5 cột số 4 đã được POC giao cho nguyên đơn bảo quản, giám sát để dùng trong quá trình sửa chữa mà người của nguyên đơn bất cẩn dẫn đến việc cháy thuộc trách nhiệm bồi thường của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba được hiểu là trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của bên mua bảo hiểm đối với bên thứ ba với các lỗi gây ra thiệt hại về người và tài sản. Đối tượng bảo hiểm trong vụ án này là "trách nhiệm người sửa chữa tàu đối với giàn khoan Đại Hùng". Nên bên thứ ba phải được hiểu không phải là một trong các bên tham gia ký kết Hợp đồng bảo hiểm. Bản án sơ thẩm nhận định POC là bên thứ ba trong Hợp đồng bảo hiểm là chính xác.

Bản thân nguyên đơn và POC trước khi ký Hợp đồng sửa chữa chính POC đã yêu cầu nguyên đơn phải mua bảo hiểm để bảo vệ tài sản cho POC trong quá trình sửa chữa (đây là thỏa thuận của hai bên trong Hợp đồng sửa chữa tàu). Bị đơn và nguyên đơn đã ký kết Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm người sửa chữa tàu, ngay tên hợp đồng đã nói rõ trách nhiệm bảo hiểm thiệt hại thay cho nguyên đơn. Do đó, bị đơn đưa ra lý do loại trừ trách nhiệm bảo hiểm là không có căn cứ. Kháng cáo này của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận.

Ngoài ra, bị đơn cho rằng các bên không có thỏa thuận áp dụng Nghị định số 23/2018/NĐ-CP về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc mà áp dụng Quy tắc bảo hiểm trách nhiệm người sửa chữa tàu ban hành kèm theo Quyết định số 2978/2016/QĐ-MIC ngày 19/12/2016. Quan điểm của bị đơn là không đúng vì Nghị định của chính phủ là văn bản quy phạm pháp luật có tính chất bắt buộc đối với tất cả các cá nhân, tổ chức tại Việt Nam đều phải tuân theo.

Bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải bồi thường chi phí tổn thất vật tư, phụ tùng dự phòng của giàn khoan Đại Hùng trong kho tầng 5 cột số 4 bên phải với số tiền 3.496.727.517 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm không khấu trừ 10% là chưa chính xác cần sửa lại Bản án sơ thẩm về vấn đề này.

*Về tiền lãi chậm trả:* do Bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn và sau đó nguyên đơn không có kháng cáo về vấn đề này nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét.

Kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm. Án phí sơ thẩm sẽ được tính lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội thay đổi một số nội dung kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu

cầu kháng cáo của bị đơn, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tổn thất vật tư, phụ tùng dự phòng của giàn khoan lưu trong kho tầng 5 cột số 4 bên, sửa Bản án sơ thẩm và đề nghị trừ thuế giá trị gia tăng 10% đối với giá trị vật tư, phụ tùng dự phòng của giàn khoan lưu trong kho tầng 5 cột số 4 bị tổn thất.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

### Căn cứ:

- Các điều 5, 30, 35, 39, 307, 308 và 309 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các điều 1, 3, 12, 15, 21, 29, 40, 46, 48 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000;
- Khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### Xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của **Tổng công ty cổ phần B2**.
2. Chấp nhận việc sửa đổi một số nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội.
3. Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 129/2023/KDTM- ST ngày 30/11/2023 và 04/11/2023 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa như sau:
  - Buộc **Tổng công ty cổ phần B2** phải thanh toán trả **Công ty TNHH MTV C** số tiền làm tròn là 5.097.963.454 (năm tỷ không trăm chín mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi tư) đồng theo Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm người sửa chữa tàu số 1024/20/HD-TT/039-KDBH02 ký ngày 19/6/2020.

Kể từ ngày kế tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

### 4. Về án phí:

#### a. Án phí sơ thẩm:

- **Tổng công ty cổ phần B2** phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 113.097.963 (một trăm mười ba triệu không trăm chín mươi bảy nghìn chín trăm sáu mươi ba) đồng.

- **Công ty TNHH MTV C** phải chịu án phí của số tiền vượt quá không được chấp nhận là 47.197.385 (bốn mươi bảy triệu một trăm chín mươi bảy nghìn ba trăm tám mươi năm) đồng. **Công ty TNHH MTV C** đã nộp tạm ứng án phí 58.000.000 (năm mươi tám triệu) đồng nên được nhận lại 10.802.615 (mười triệu tám trăm linh hai nghìn sáu trăm mười năm) đồng tại **B1** lại thu tiền tạm ứng án phí số 0071922 ngày 15/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa.

b. Án phí phúc thẩm:

**Tổng công ty cổ phần B2** không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Trả lại **Tổng công ty cổ phần B2** số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 19232 ngày 21/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa.

Bản án phúc thẩm xử công khai và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND quận Đống Đa;
- Chi cục THADS quận Đống Đa;
- Lưu HS, VP, HCTP, TKT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Ngọc Thành**